TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91**/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Đình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long** tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con0*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2025/QĐXXST -HN ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn:

- Chị Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1991. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số Căn cước: 083191001796; cấp ngày 08/9/2025; Nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: số B, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:

- Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1986. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số CCCD: 038086031014; cấp ngày 02/01/2023; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: số B, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2025, Bản tự khai ngày 19/11/2025, những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T1 do tự quen biết và tiến tới hôn nhân, hai bên có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2022 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp. Nhận thấy tình cảm với anh T1 không còn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Tuấn K, sinh ngày 04/12/2017. Cháu K bị chậm khả năng ngôn ngữ và giao tiếp. Chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu, đồng thời có gửi cháu đến Trung tâm nghiên cứu và bồi dưỡng kỹ năng sống Nụ Cười Hồng. Nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Theo Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 24/11/2025, bị đơn anh Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Anh có nhận được đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Thanh T với nội dung yêu cầu ly hôn, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Do ở xa nên anh không đến tòa tham gia giải quyết việc ly hôn được. Anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Tuấn K, sinh ngày 04/12/2017. Hiện nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung: anh thống nhất lời trình bày của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh T1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh T và anh Nguyễn Hữu T1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/02/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh T1

đồng ý. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Tuấn K, sinh ngày 04/12/2017. Hiện nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, anh T1 đồng ý theo yêu cầu của chị T, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bên về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí là 300.000đ; Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Hữu T1.

Chị Đỗ Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T1. Quan hệ hôn nhân của anh T1, chị T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: : có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Tuấn K, sinh ngày 04/12/2017. Giao cháu K cho chị Đỗ Thị Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Hữu T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

4. Về nợ chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004645 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh T1 vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 5 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 5 – Vĩnh Long;
- UBND xã Cẩm Thủy
(Số 08/2017/ĐKKH ngày 20/02/2017)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu